

## Phần 2. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

### Chương V. ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

*“Điều khoản tham chiếu” bao gồm những nội dung chủ yếu sau:*

#### I. GIỚI THIỆU

##### 1. Khái quát về dự án

- Tên dự án: Mở rộng, nâng cấp đường Quốc Lộ 34 - từ phường Hà Giang 2 đi xã Bắc Mê (giai đoạn 1) tỉnh Tuyên Quang.

- Người quyết định chủ trương đầu tư dự án: Chủ tịch UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Cấp quyết định đầu tư dự án: UBND tỉnh Tuyên Quang.

- Dự án nhóm: Nhóm B

- Tổng mức đầu tư: **1.100.000.000.000 đồng** (*Bằng chữ: Một nghìn, một trăm tỷ đồng*).

- Chủ đầu tư: Ban Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình tỉnh Tuyên Quang.

- Địa điểm đầu tư dự án: Phường Hà Giang 2, xã Ngọc Đường, xã Minh Ngọc, xã Bắc Mê thuộc tỉnh Tuyên Quang.

- Loại, cấp công trình: Công trình giao thông đường bộ, cấp III.

- Nguồn vốn: Nguồn ngân sách trung ương và cân đối ngân sách địa phương (Trong đó: Vốn ngân sách trung ương là 990 tỷ đồng; vốn ngân sách địa phương là 110 tỷ đồng).

- Thời gian thực hiện dự án: 2026-2029

- Quy mô đầu tư xây dựng: Tổng chiều dài tuyến khoảng 60,55 Km.

- Thiết kế theo quy mô đường cấp IV miền núi (TCVN4054-2005) (Một số đoạn địa hình khó khăn, chi phí GPMB lớn châm chước giảm quy mô phù hợp tiêu chuẩn cấp V, miền núi).

- Bề rộng nền đường;  $B_{nền} = 7,5m$ ; Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 5,5m$ ; kết cấu mặt đường bê tông nhựa.

- Điểm đầu tuyến: Km0+200 (giáp cầu Yên Biên), thuộc phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.

- Điểm cuối: Km60+550 thuộc xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang

##### 2. Khát quát về gói thầu.

- Tên gói thầu: Gói thầu số 03: Khảo sát, lập Báo cáo nghiên cứu khả thi

- Hình thức lựa chọn nhà thầu: Đấu thầu rộng rãi trong nước qua mạng.

- Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, hai túi hồ sơ.
- Loại hợp đồng: Hỗn hợp
- + Khảo sát: Theo đơn giá cố định.
- + Lập báo cáo nghiên cứu khả thi: Trọn gói
- Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Từ quý II/2026.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 60 ngày.

### 3. Mô tả mục đích tuyển chọn nhà thầu.

Lựa chọn nhà thầu tư vấn có đủ năng lực và kinh nghiệm để thực hiện công việc khảo sát và lập báo cáo NCKT Mở rộng, nâng cấp đường Quốc Lộ 34 - từ phường Hà Giang 2 đi xã Bắc Mê (giai đoạn 1) tỉnh Tuyên Quang. Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn về khảo sát, thiết kế hiện hành và phù hợp với quy mô dự án, nhiệm vụ khảo sát, thiết kế được phê duyệt.

## II. PHẠM VI CÔNG VIỆC

### 1. Mục tiêu đầu tư

Đầu tư xây dựng dự án góp phần quan trọng trong xây dựng kết cấu hạ tầng là khâu đột phá chiến lược, trong đó phát triển hạ tầng giao thông giữ vai trò then chốt trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - văn hóa - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh.

Dự án được đầu tư sẽ hoàn thiện hệ thống đường quốc lộ theo quy hoạch được duyệt, góp phần thu hẹp khoảng cách chênh lệch về trình độ phát triển kết cấu hạ tầng giữa tỉnh Tuyên Quang với các địa phương khác. Đồng thời, nâng cao và duy trì năng lực khai thác, vận hành công trình; bảo đảm tính đồng bộ, bền vững của kết cấu hạ tầng tuyến đường; đáp ứng yêu cầu lưu thông an toàn, thông suốt, thuận lợi cho các phương tiện tham gia giao thông.

Góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại các địa bàn còn khó khăn, gồm các phường Hà Giang 2, xã Ngọc Đường, xã Minh Ngọc và xã Bắc Mê nói riêng, cũng như trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang nói chung; tạo điều kiện phát triển thương mại, dịch vụ, đẩy nhanh quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo định hướng phát triển đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

### 2. Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế chính được áp dụng

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
<b>I</b>	<b>Tiêu chuẩn khảo sát, thí nghiệm</b>	
1	Khảo sát cho xây dựng - Nguyên tắc cơ bản	TCVN 4419:1987
2	Đường ô tô - Tiêu chuẩn khảo sát	TCCS 31:2020/TCĐBVN
3	Quy trình khảo sát đường ô tô	22TCN 263-2000

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
4	Công tác trắc địa trong xây dựng công trình - Yêu cầu chung	TCVN9398:2012
5	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới độ cao	QCVN 11:2008/BTNMT
6	Tiêu chuẩn kỹ thuật đo và xử lý số liệu GPS trong trắc địa công trình.	TCVN 9401:2012
7	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; 1:10000; 1:25000 (phần trong nhà)	96TCN 42-90
8	Quy phạm đo vẽ bản đồ địa hình tỷ lệ 1:500; 1:1000; 1:2000; 1:5000; 1:10000; 1:25000 (phần ngoài trời)	96TCN 43-90
9	Quy định kỹ thuật đo đạc trực tiếp địa hình phục vụ thành lập bản đồ địa hình và cơ sở dữ liệu nền địa lý tỷ lệ 1:500, 1:1000, 1:2000, 1:5000	Thông tư 68/2015/TT-BTNMT
10	Tiêu chuẩn khảo sát, thiết kế nền đường ô tô trên nền đất yếu	TCCS 41:2022/TCĐBVN và Sửa đổi 1:2022 TCCS41:2022/TCĐBVN
11	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi của nền đất và các lớp kết cấu áo đường bằng phương pháp sử dụng tấm ép cứng	TCVN 8861:2011
12	Áo đường mềm - Xác định mô đun đàn hồi chung của kết cấu bằng cần đo võng Benkelman	TCVN 8867:2011
13	Chỉ dẫn kỹ thuật công tác khảo sát địa chất công trình cho xây dựng vùng các-tơ	TCVN 9402:2012
14	Công trình phòng chống đất sụt trên đường ô tô - Yêu cầu khảo sát và thiết kế	TCVN 13346:2021
15	Quy trình khoan thăm dò địa chất công trình	TCVN 9437:2012
16	Quy trình thí nghiệm xuyên tĩnh có đo áp lực nước lỗ rỗng (CPTu)	TCVN 9846:2013
17	Quy trình đo áp lực nước lỗ rỗng trong đất	TCVN 8869:2011
18	Đất, đá xây dựng - Phân loại	TCVN 5746:2024
19	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm hiện trường - Thí nghiệm xuyên tiêu chuẩn (SPT)	TCVN 9351:2022
20	Đất xây dựng - Phương pháp thí nghiệm xuyên tĩnh	TCVN 9352:2012
21	Đất xây dựng - Phương pháp xác định mô đun biến dạng tại hiện trường bằng tấm nén phẳng	TCVN 9354:2012
22	Đất xây dựng - Thí nghiệm cắt cánh hiện trường cho đất dính	TCVN 10184:2021
23	Đất xây dựng - Lấy mẫu, bao gói, vận chuyển và bảo quản mẫu	TCVN 2683:2012

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
24	Đất xây dựng - Phương pháp xác định các chỉ tiêu cơ lý	TCVN 4195:2012÷ TCVN 4197:2012; TCVN 4198:2014; TCVN 4199:1995; TCVN 4200:2012÷ TCVN 4202:2012
25	Đất, chất thải sinh học đã xử lý và bùn - Xác định pH	TCVN 5979:2021
26	Thí nghiệm xác định sức kháng cắt không cố kết - Không thoát nước và cố kết - Thoát nước của đất dính trên thiết bị nén ba trục	TCVN 8868:2011
27	Quy trình thí nghiệm xác định cường độ nén nở hông của đất dính	ASTM D2166
28	Đá xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén trong phòng thí nghiệm	TCVN 10324:2014
29	Công trình xây dựng- Phân cấp đá trong thi công	TCVN 11676:2016
30	Đá vôi - Phương pháp phân tích hóa học	TCVN 9191:2012
31	Các tiêu chuẩn thí nghiệm phân tích thành phần hóa học mẫu nước	TCVN 6656:2000 TCVN 6492:2011 TCVN 6179:1996 TCVN 6224:1996
32	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ ẩm và độ hút ẩm trong phòng thí nghiệm	TCVN 4196:2012
33	Địa chất thủy văn - thuật ngữ và định nghĩa	TCVN 4119:1985
34	Quy trình khảo sát địa chất công trình và thiết kế biện pháp ổn định nền đường và vùng có hoạt động sụt trượt lở	22TCN 171:1987
35	Quy trình khảo sát thiết kế nền đường ô tô đắp trên đất yếu (Áp dụng cho khảo sát và thiết kế)	22TCN 262-2000
36	Đất xây dựng - Xác định độ trương nở	ASTM D4546
37	Đất xây dựng - Phương pháp xác định độ bền nén một trục nở hông	TCVN 9438:2012
38	Mặt đường ô tô - Xác định sức kháng trượt của bề mặt đường bằng phương pháp con lăn anh	TCVN 10271:2014
39	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về xây dựng lưới tọa độ	QCVN 04:2009/BTNMT
<b>II</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế đường</b>	
1	Đường ô tô - Yêu cầu thiết kế	TCVN 4054-2005
2	Đường ô tô cao tốc – Yêu cầu thiết kế	TCVN 5729:2012

TT	Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn	Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn
3	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình hạ tầng kỹ thuật công trình giao thông	QCVN 07-4:2016/BXD
4	Đường đô thị - Yêu cầu thiết kế	TCVN 13592:2022
5	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	22TCN 211-06
6	Áo đường mềm - Các yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế	TCCS 38:2022/TCĐBVN
7	Đường giao thông nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10380:2014
8	Áo đường mềm - Yêu cầu và chỉ dẫn thiết kế theo chỉ số kết cấu (SN)	TCCS 37:2022/TCĐBVN
9	Đường ô tô cao tốc- thiết kế và tổ chức giao thông trong giai đoạn phân kỳ đầu tư xây dựng	TCCS 42:2022/TCĐBVN
10	Thiết kế mặt đường bê tông xi măng thông thường có khe nối trong xây dựng công trình giao thông	TCCS 39:2022/TCĐBVN
11	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 10304:2014
12	Quy trình thiết kế, xử lý đất yếu bằng bác thấm trong xây dựng nền đường	22TCN 244-98
13	Tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế	TCVN 13615:2022
14	Tính toán các đặc trưng dòng chảy lũ	TCVN 9845-2013
15	Quy phạm tính toán các đặc trưng thủy văn thiết kế	QPTL C6-77
16	Thoát nước - Mạng lưới và công trình bên ngoài	TCVN 7957:2023
17	Kết cấu bê tông và bê tông cốt thép - Yêu cầu chung về thiết kế độ bền lâu và tuổi thọ trong môi trường xâm thực	TCVN 12041:2017
18	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về đường bộ cao tốc	QCVN 117:2024/BGTVT
19	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia các công trình Hạ tầng kỹ thuật	QCVN 07:2023/BXD
20	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp công trình phục vụ thiết kế xây dựng	QCVN 03:2022/BXD
21	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số liệu điều kiện tự nhiên dùng trong xây dựng	QCVN 02:2022/BXD
22	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn trong xây dựng	QCVN 18:2021/BXD
23	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quan trắc thủy văn	QCVN 47:2022/BTNMT
24	Hệ thống thu phí điện tử	TCVN 10849 : 2015
25	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Trạm dừng nghỉ đường bộ	QCVN 43:2024/BGTVT

<b>TT</b>	<b>Tên tiêu chuẩn, quy chuẩn</b>	<b>Mã tiêu chuẩn, quy chuẩn</b>
26	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về thép làm cốt bê tông	QCVN 07:2019/BKHHCN
27	Gia cố mái dốc bằng lưới địa kỹ thuật gốc Polyme trong xây dựng công trình giao thông - tiêu chuẩn thiết kế, thi công và nghiệm thu	TCCS 01:2021/VKHCN
28	Lớp mặt đường bằng hỗn hợp nhựa nóng - Thi công và nghiệm thu - Phần 4: Bê tông nhựa chặt tái chế nóng tại trạm trộn sử dụng vật liệu cũ không quá 25%	TCVN 13567-4:2024
<b>III</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế cầu và công trình</b>	
1	Tiêu chuẩn thiết kế cầu đường bộ	TCVN 11823:2017
2	Thiết kế kết cấu bê tông và bê tông cốt thép	TCVN 5574:2018
3	Thiết kế công trình phụ trợ trong thi công cầu	TCVN 11815:2017
4	Tải trọng và tác động - Tiêu chuẩn thiết kế	TCVN 2737:1995
5	Tiêu chuẩn tải trọng và tác động	TCVN 2737:2023
6	Chỉ dẫn tính toán thành phần động của tải trọng gió theo tiêu chuẩn TCVN 2737:1995	TCXD 229:1999
7	Công trình giao thông trong vùng có động đất - Tiêu chuẩn thiết kế	22TCN 221-95
8	Thiết kế công trình chịu động đất	TCVN 9386-1:2012 TCVN 9386-2:2012
9	Móng cọc - Tiêu chuẩn thiết kế	TCXD 205:1998
10	Quy trình thiết kế cầu cống theo trạng thái giới hạn (tham khảo)	22TCN 18-79
11	Hướng dẫn chung áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM)	Quyết định số 348/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng
12	Hướng dẫn chi tiết áp dụng mô hình thông tin công trình (BIM) đối với công trình dân dụng và công trình hạ tầng kỹ thuật đô thị	Quyết định số 347/QĐ-BXD ngày 02/4/2021 của Bộ Xây dựng
<b>IV</b>	<b>Tiêu chuẩn thiết kế công trình phụ trợ</b>	
1	Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về báo hiệu đường bộ	QCVN 41:2024/BGTVT
2	Màng phản quang dùng cho báo hiệu đường bộ	TCVN 7887:2018

### **3. Phạm vi công việc tư vấn Khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi**

#### **3.1. Phạm vi khảo sát:**

- Địa điểm khảo sát: Phường Hà Giang 2, xã Ngọc Đường, xã Minh Ngọc, xã Bắc Mê thuộc tỉnh Tuyên Quang.

- Chiều dài khảo sát tuyến khoảng: 60,55 Km.

- Điểm đầu tuyến: Km0+200 (giáp cầu Yên Biên), thuộc phường Hà Giang 2, tỉnh Tuyên Quang.

- Điểm cuối: Km60+550 thuộc xã Bắc Mê, tỉnh Tuyên Quang

### **3.2. Nội dung lập Báo cáo nghiên cứu khả thi**

Nội dung Lập Báo cáo nghiên cứu khả thi theo quy định tại Điều 54 Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/6/2014 được bổ sung bởi Luật số 62/2020/QH14 ngày 17/6/2020 và các quy định khác có liên quan.

### **3.3. Mô tả các nhiệm vụ:**

Trên cơ sở khối lượng công việc dự kiến nhà thầu có trách nhiệm nghiên cứu E-HSMT và hiện trường để đưa ra giải pháp và phương pháp luận, kế hoạch công tác, tổ chức và nhân sự thực hiện gói thầu.

#### **1.1.1.1. Quy mô mặt cắt ngang:**

Bề rộng nền đường;  $B_{nền} = 7,5m$ ; Bề rộng mặt đường:  $B_{mặt} = 5,5m$ ;

#### **1.1.1.2. Mặt đường:**

Mặt đường bê tông nhựa.

#### **1.1.1.3. Công trình cầu:**

Thiết kế theo các tiêu chuẩn theo quy định hiện hành với khổ cầu phù hợp khổ nền đường.

#### **1.1.1.4. Tần suất lũ thiết kế:**

Tuyến chính: Thiết kế đảm bảo tần suất  $P = 1\%$  với cầu lớn;  $P=4\%$  với cầu nhỏ;

#### **1.1.1.5. Giải pháp thiết kế**

Hướng tuyến, bình đồ: Bình đồ tuyến đường cơ bản bám theo đường cũ QL.34 hiện tại, Cải tạo, nâng cấp từ quy mô đường cấp VI miền núi lên đường cấp IV miền núi với quy mô mặt cắt ngang  $B_{nền} = 7,5m$ ,  $B_{mặt} = 5,5m$ ; tại những vị trí khó khăn về GPMB, khối lượng đào đắp lớn châm chước giảm quy mô về đường cấp V miền núi. Tim tuyến cơ bản bám theo nền đường hiện tại QL.34, tận dụng tối đa đường cũ, mở rộng nền về một phía hoặc hai phía tùy thuộc địa hình thực tế, cắt cua cải tạo các vị trí khuất tầm nhìn, đảm bảo tiêu chuẩn cấp đường, thoả mãn các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật, hạn chế tối đa giải phóng mặt bằng tránh tác động xấu đến dân sinh, tổng chiều dài tuyến đường khoảng  $L=60,55Km$ .

#### **1.1.1.6. Trắc dọc**

- Cao độ đường đở không chế theo cao độ điểm đầu và điểm cuối tuyến;
- Cao độ đường đở được thiết kế bám theo và tận dụng tối đa nền đường cũ, chỉ vượt nội lại một số đoạn có độ dốc dọc lớn, các đoạn mở mới hạn chế đào đắp nhiều và hạn chế đền bù giải phóng mặt bằng.

#### **1.1.1.7. Trắc ngang**

a. Tuyến chính

- Thiết kế theo quy mô đường cấp IV miền núi (TCVN4054 - 2005) như sau:
- + Bề rộng nền đường:  $B_{\text{nền}} = 7,5\text{m}$  (chưa kể mở rộng và rãnh dọc);
- + Bề rộng mặt đường:  $B_{\text{mặt}} = 5,5\text{m}$ ;

#### **1.1.1.8. Mặt đường**

Thiết kế sơ bộ các kết cấu mặt đường đảm bảo  $E_{yc} \geq 130 \text{ Mpa}$ :

#### **1.1.1.9. Công trình cầu**

- Cầu xây dựng vĩnh cửu bằng BTCT và BTCT DƯỠ;
  - Tần suất thiết kế  $P = 1\%$  với cầu lớn, cầu trung,  $P=4\%$  với cầu nhỏ;
  - Tải trọng thiết kế: HL93, đoàn người  $3 \times 10^{-3} \text{ Mpa}$ ;
  - Bề rộng cầu:  $B=8\text{m} + w$  (W: độ mở rộng cầu nằm trong đường cong).
- Riêng cầu đi qua thị trấn, khu vực đông dân cư kiến nghị thiết kế cầu có bề rộng  $B=12\text{m}$ .

#### **1.1.1.10. Hệ thống thoát nước**

- Tần suất tính toán thủy văn để thiết kế cống  $=4\%$ .
- Khẩu độ cống dựa vào khẩu độ cống hiện tại, kết quả tính toán thủy văn, yêu cầu của địa hình.
- Tuyến được cải tạo, nâng cấp bám theo đường cũ nên việc xác định vị trí, khẩu độ cống căn cứ vào tình trạng làm việc và mức độ hư hỏng của cống hiện tại để quyết định.
- Giải pháp thiết kế cống chủ yếu trên tuyến như sau:
  - + Thiết kế mới thay thế các cống bị hư hỏng, không đảm bảo tải trọng, các cống có khẩu độ nhỏ hơn  $0,75\text{m}$ .
  - + Các cống có khẩu độ lớn hơn  $0,75\text{m}$  đảm bảo tải trọng thì tận dụng và nối dài.
  - + Đối với các cống thoát nước thủy lợi mà phải thiết kế nâng cao khẩu độ thoát nước do địa phương yêu cầu hoặc phải thiết kế nối dài cho đủ bề rộng nền đường thiết kế mới, cao độ thượng hạ lưu cống thiết kế sẽ được giữ nguyên như cũ.

#### **1.1.1.11. Giải pháp thiết kế cống**

- + Cống tròn sử dụng ống cống ly tâm đúc sẵn, tải trọng C dưới đường ô tô, hoạt tải HL93;
- + Cống hộp sử dụng ống cống đúc sẵn, tải trọng thiết kế HL93.
- + Cống hộp khẩu độ  $B \geq 2\text{m}$  thiết kế đỡ tại chỗ bằng BTCT M300#
- Đối với cống hộp thiết kế chạy trực tiếp, phía hai đầu cống được thiết kế đặt bản vượt để đảm bảo chyun tiếp êm thuận khi đi qua cống.
- Kết cấu móng cống được tính toán cụ thể đối với từng cống theo điều kiện địa chất các lớp đất nền dưới móng.

### **1.1.1.12. Nút giao, đường giao**

- Các nút giao này được thiết kế theo hình thức tự điều khiển trên cơ sở mở rộng nút giao hiện tại với bán kính rẽ mép đường xe chạy tối thiểu  $R=15m$ . Kết cấu mặt đường trong nút như kết cấu mặt đường trên tuyến chính.

- Bố trí đầy đủ hệ thống vạch sơn, biển báo để đảm bảo ATGT trong nút để điều tiết các dòng xe lưu thông.

- Đường giao dân sinh được vượt nổi đảm bảo êm thuận.

### **1.1.1.13. Các công trình phục vụ khai thác**

- Thiết kế tường chắn taluy âm, tường chắn taluy dương, tường chắn ốp mái theo định hình 86-06x, tải trọng tính toán HL93.

- Thiết kế hoàn chỉnh hệ thống hộ lan, tôn lượn sóng, cọc tiêu, cột Km, biển báo hiệu theo quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về báo hiệu đường bộ số QCVN 41:2024/BGTVT.

## **III. BÁO CÁO VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**

### **1. Hồ sơ giao nộp:**

- Các tài liệu thu thập và điều tra khảo sát, ảnh chụp, file mềm trên đĩa CD/USB và trên web: [photo.google.com](http://photo.google.com); vị trí cầu trên bản đồ [maps.google.com](http://maps.google.com); các tài liệu kiểm định, máy thiết bị.

- Các hồ sơ khảo sát: địa hình; thủy văn; địa chất công trình; vật liệu và bãi đổ vật liệu thải; các tài liệu khảo sát các công trình liên quan đến tuyến; hoàn thiện thông tin trong phiếu điều tra.

- Hồ sơ lập báo cáo NCKT: Thuyết minh dự án; Bản vẽ tuyến: Bình đồ khu vực, bình đồ tuyến, trắc dọc, trắc ngang, công trình thoát nước và các công trình phụ trợ trên tuyến; Tập khối lượng chi tiết và biểu tổng hợp khối lượng; dự toán xây dựng công trình và các tài liệu khác có liên quan.

- Quy định về thành phần Hồ sơ Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng dự án:

+ Thuyết minh báo cáo nghiên cứu khả thi (báo gồm cả TMĐT)

+ Các bản vẽ thiết kế cơ sở, thuyết minh thiết kế cơ sở;

+ Các biên bản thỏa thuận liên quan.

- Quy định về quy cách hồ sơ bàn giao:

Hồ sơ bàn giao ngoài bản giấy theo số lượng yêu cầu phải kèm theo toàn bộ các file dữ liệu gồm:

+ File thuyết minh (định dạng MS Word)

+ File bản vẽ được phê duyệt (định dạng file: \*.dwg và \*.pdf).

+ File tổng mức đầu tư (định dạng MS excell).

+ Các biên bản thỏa thuận liên quan (định dạng \*.pdf)

+ File bản vẽ và thuyết minh báo cáo khảo sát (dạng file: \*.dwg và \*.pdf) và các biểu mẫu thí nghiệm chỉ tiêu cơ lý của đất, đá có dấu LAS của phòng thí nghiệm chuyên ngành hợp chuẩn, các biên bản nghiệm thu khảo sát hiện trường, biên bản nghiệm thu hoàn thành công tác khảo sát hiện trường, biên bản nghiệm thu hồ sơ khảo sát và file số liệu đo đạc địa hình xuất trực tiếp từ thiết bị đo đạc.

+ Đĩa CD hoặc USB ghi toàn bộ nội dung giao nộp.

**2. Thời gian thực hiện:** 60 ngày.

#### **IV. KINH NGHIỆM VÀ NHÂN SỰ CỦA NHÀ THẦU**

Nhà thầu phải đáp ứng các yêu cầu nêu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT; nhân sự bố trí cho các gói thầu phải đảm bảo các yêu cầu đã nêu tại Chương III - Tiêu chuẩn đánh giá E-HSDT, trường hợp bắt buộc thay thế nhân sự thì nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc hơn nhân sự bị thay thế và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

#### **V. TRÁCH NHIỆM CỦA CHỦ ĐẦU TƯ**

- Liên hệ với chính quyền địa phương và các cơ quan liên quan để việc thực hiện gói thầu được thuận lợi.

- Cung cấp thông tin, tư liệu (nếu có) cho nhà thầu tư vấn khi nhà thầu yêu cầu trong thời gian thực hiện hợp đồng.

- Tổ chức các cuộc họp để đơn vị tư vấn báo cáo tiến độ triển khai gói thầu.

- Cùng nhà thầu báo cáo, trình duyệt hồ sơ lên cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh toán đối với công việc dịch vụ tư vấn do nhà thầu thực hiện.

#### **VI. HƯỚNG DẪN VỀ CÁC TÀI LIỆU NỘP KÈM E-HSDT**

##### **1) Tài liệu chứng minh tư cách hợp lệ**

- Giấy ủy quyền (Trường hợp ủy quyền ký E-HSDT).

- Thỏa thuận liên danh (Trường hợp liên danh).

+ Thỏa thuận liên danh phải thể hiện rõ nội dung và tỷ lệ phần trăm giá trị công việc được phân công;

+ Từng thành viên trong liên danh phải có các giấy tờ và các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp với nội dung và tỷ lệ phần trăm giá trị công việc được phân công.

##### **2) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực**

- Hồ sơ hợp đồng, bao gồm: Hợp đồng, phụ lục hợp đồng (nếu có). Biên bản nghiệm thu hoàn thành hoặc biên bản thanh lý hoặc tương đương để xác nhận hoàn thành hợp đồng có xác nhận của chủ đầu tư (chứng minh việc hoàn thành).

- Hợp đồng nguyên tắc thuê thầu phụ (Trường hợp thuê thầu phụ):

+ Hợp đồng nguyên tắc thuê thầu phụ phải thể hiện rõ nội dung và giá trị

công việc phân công cho nhà thầu phụ.

+ Nhà thầu phụ phải có các giấy tờ và các tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm và kỹ thuật phù hợp với nội dung và giá trị công việc được phân công.

### **3) Giải pháp và phương pháp luận**

**4) Tài liệu chứng minh kinh nghiệm và năng lực của Nhân sự chủ chốt:** Hợp đồng lao động hoặc thuê mướn. Bằng cấp, chứng chỉ, chứng nhận (nếu có yêu cầu). Xác nhận của chủ đầu tư về nhân sự thực hiện hợp đồng. Tài liệu pháp lý của cơ quan nhà nước có thẩm quyền để chứng minh năng lực.

**5) Tài liệu chứng minh năng lực Máy móc, trang thiết bị:** Hóa đơn mua bán, phiếu kiểm định còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu (đối những máy móc phải có kiểm định trước khi sử dụng), hợp đồng nguyên tắc thuê mướn (trường hợp đi thuê), chứng nhận bản quyền (đối với các phần mềm).